TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN R** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2022/DS-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v:" Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Kim An.
2. Bà Nguyễn Thị Nga.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Tiến Dũng- Thư ký Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện R*** *tham gia phiên:* Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST- DS, ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 20/7/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022, Thông báo số 546/2022/TB-TA ngày 17/8/2022 thông báo thời gian mở lại phiên tòa của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Khánh L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Khánh L1, sinh năm 1971.

3.2 Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1970.

3.3 Anh Nguyễn Khánh L3, sinh năm 1999.

3.4 Anh Nguyễn Hồ T1 sinh năm 2002.

Cùng có địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

3.5 Bà Võ Thị S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn D (Thôn 7 cũ), xã G, huyện Y, tỉnh Quảng Nam.

3.6 UBND xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sĩ H - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn cụ Huỳnh Thị T trình bày:*

Cụ là mẹ ruột của Nguyễn Khánh L và là mẹ chồng bà Võ Thị S. Nguyên hai vợ chồng cụ có tạo lập được một diện tích đất tại Thôn Q, xã E, huyện R. Vợ chồng cụ đã sinh sống trên thửa đất này từ trước năm 1975. Đến năm 2001 thì chồng cụ là ông Nguyễn Khánh T2 qua đời nên cụ là đã làm đơn xin tách các thửa đất để cho các con. Diện tích đất còn lại để cho cụ, cụ đứng tên chủ hộ và UBND huyện R đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số số 1204, tờ bản đồ số 1 xã E diện tích 282 m^2 vào ngày 08/4/2008 cho hộ bà Huỳnh Thị T. Thời điểm này vợ chồng anh L, chị S đang ở ngoài Quảng Nam, cụ có nguyện vọng vợ chồng anh L về Quảng Ngãi sinh sống với cụ vì hiện cụ chỉ còn ở một mình còn những người con đã có gia đình riêng nên nói với nhau bằng miệng là về ở cụ T sẽ tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng Nguyễn Khánh L, Võ Thị S đối với thửa đất trên để Vợ chồng Nguyễn Khánh L có trách nhiệm với gia đình, lo cho việc thờ cúng và chăm sóc cho cụ lúc tuổi già. Và năm 2009 cụ T đã tự mình và con dâu lớn đến UBND xã E để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng Nguyễn Khánh L, Võ Thị S. Mọi thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất không có anh L, chị S ở nhà.

Sau khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thì cụ T vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất nêu trên. Cụ tiến hành xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất này để sinh sống, vợ chồng anh L, chị S có đóng góp với số tiền 4.800.000 đồng. Từ khi vợ chồng anh L, chị S được tặng cho quyền sử dụng đất cho đến khi anh L, chị S ly hôn và cho đến nay, anh L, chị S không sống chung với bà, bản thân bà hiện nay tuổi đã cao, sức yếu cần có người chăm sóc, còn các con cháu khác của cụ, tuy họ có tên trong hộ khẩu của cụ nhưng họ đều có gia đình và sống riêng lẻ. Nay cụ thấy việc cho tặng quyền sử dụng đất này là xâm phạm đến quyền lợi của cụ vì tuổi già không ai chăm sóc lại không có tài sản. Mục đích cho đất là để anh L chị S cùng chung sống, chăm sóc, nuôi dưỡng cụ cho đến chết và lo cho việc thờ cúng. Nhưng hiện tại vợ chồng anh L, chị S đã ly hôn, mỗi người sống một nơi,

không ai trực tiếp sống nuôi dưỡng chăm sóc cho cụ. Do đó nay cụ T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD để có tài sản tự lo cho tuổi già. Về số tiền đóng góp xây nhà của anh L, chị S bà T đồng ý theo trình bày của chị S khoảng 7.000.000 đồng.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Khánh L, trình bày: Anh là con trai của cụ Huỳnh Thị T.

Từ năm 2002 sau khi cưới vợ, vợ chồng anh sinh sống tại Thôn 7 nay là thôn D, xã G, huyện Y, tỉnh Quảng Nam là quê của vợ anh chị Võ Thị S. Năm 2008, mẹ anh có nguyện vọng vợ chồng anh về sống cùng với mẹ ở Quảng Ngãi nên mẹ anh có nói miệng là cho đất hai vợ chồng anh để về sinh sống, chăm sóc cho mẹ anh đến khi qua đời và lo việc thơ cúng vì mẹ anh đã lớn tuổi còn những anh chị trong gia đình thì đã ở riêng. Vì vây, năm 2009 mẹ anh đã tự ý làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 1 xã E cho vợ chồng anh để vợ chồng anh cùng sinh sống với cụ T và chăm sóc cho cụ T cho đến khi cụ T qua đời. Việc lập thủ tục Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất anh L và chị S không có mặt và không ký tên vào trong hợp đồng. Anh L xác định và công nhận chữ ký Nguyễn Khánh L, Võ Thị S trong hợp đồng không phải là chữ ký, chữ viết của anh L và chị S. Anh không biết ai đã ký chữ ký Nguyễn Khánh L, Võ Thị S. Đến năm 2021 mẹ anh có nhu cầu sửa lại nhà có nhu cầu bán ít đất để sửa nhà thì anh mới biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ anh đã tặng cho tên anh Nguyễn Khánh L và Võ Thị S. Từ trước đến nay cụ Huỳnh Thị T vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất và tài sản trên thửa đất nêu trên.

Về tài sản trên đất hiện nay có ngôi nhà cấp 4. Tài sản này là do mẹ anh là cụ Huỳnh Thị T xây dựng một căn nhà nhỏ cấp 4 để sinh sống từ năm 2009. Vợ chồng anh có phụ cho mẹ số tiền khoảng 7.000.000 đồng để làm nhà. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Nay cụT yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên thì anh đồng ý. Vì hợp đồng đã vi phạm pháp luật và anh L xét thấy vì công việc của anhlà tài xế và đã ly hôn vợ, anh thường xuyên đi làm ăn ngoài đường nên không thể ở bên cạnh lo và chăm sóc cho mẹ lúc tuổi già vì vậy anh không đồng ý nhận tặng cho quyền sử dụng đất. Anh L đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Các ông, bà Nguyễn Khánh L1, Nguyễn Khánh L3, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Hồ T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý với ý kiến trình bày của bị đơn.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2022 và tại phiên tòa ngày 11/8/2022, biên bản làm việc ngày 11/8/2022 chị Võ Thị S trình bày: vợ chồng chị được mẹ chồng là cụ Huỳnh Thị T nói miệng là tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 1204,

tờ bản đồ số 1 xã E, mục đích cho đất là xây nhà cùng sinh sống và chăm sóc cụ T cho đến khi cụ T qua đời và lo cho việc thờ cúng.

Sau khi đám cưới từ năm 2002 đến nay chị, anh L và hai con chung có nhà riêng và sinh sống tại G, Y, Quảng Nam thỉnh thoảng mới về Quảng Ngãi để thăm chơi vài ngày rồi đi. Năm 2009 cụ T làm nhà, vợ chồng chị có đóng góp số tiền bao nhiêu chị không nhớ cụ thể nhưng khoảng 7.000.000đ. Chị không có hóa đơn chứng từ về số tiền đã đóng góp. Khi chị và anh L ly hôn năm 2012 ở Tòa án huyện Y, tỉnh Quảng Nam chưa giải quyết về phần tài tài sản chung (Nhà và đất). Chị Võ Thị S xác định và thừa nhận chữ ký Võ Thị S trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD không phải là chữ ký, chữ viết của chị Võ Thị S. Chị không hề hay biết gì về hợp đồng tặng cho này, chỉ nghe nói bằng miệng là mẹ đã cho đất để lo cho việc thờ cúng và chăm sóc cho mẹ. Tại phiên tòa ngày 11/8/2022 Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa đã cho chị S xem lại hợp đồng ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD và chị S khẳng định chị S không ký tên vào trong hợp đồng này. Chữ ký Võ Thị S trong hợp đồng nêu trên không phải là chữ ký, chữ viết của chị Võ Thị S. Về tất cả các thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và thủ tục đăng ký để đổi tên trong trang 4 của giấy chứng nhận là do cụ Huỳnh Thị T tự nguyện làm, chị S và anh L không hề hay biết. Tuy hiện nay chị S và anh L đã ly hôn nhưng chị S có ý nguyện là diện tích đất này chị S để lại cho con chung của chị với anh L nên chị không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD. Chị S khẳng định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD chị S và anh L không có mặt, chị S, anh L không ký tên trong mục người được tặng cho. Cụ Huỳnh Thị T là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất nêu trên.

Về tài sản trên đất hiện nay là ngôi nhà cấp 4 là do cụ Huỳnh Thị T xây dựng. Chị S, anh L có đóng góp cho cụ T khoảng 7.000.000 đồng vào năm 2009 và chị không yêu cầu cụ T phải trả lại số tiền đã đóng góp. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản và không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Chị không biết chữ ký Võ Thị S là do ai ký, chị S yêu cầu Giám định chữ ký Võ Thị S trong hợp đồng là của ai để biết ai đã giả mạo ký tên Võ Thị S.

* UBND xã E huyện R: Tại biên bản làm việc ngày 15/6/2022 ông Nguyễn Sĩ H - người đại diện theo pháp luật của UBND xã E trình bày: Về nguồn gốc thửa đất số 1204, diện tích 282m^2, tờ bản đồ số 01, địa chỉ thửa đất tại Thôn Q, xã E, huyện R là của hộ bà Huỳnh Thị T. Năm 2009 bà Huỳnh Thị T đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên cho Nguyễn Khánh L và Võ Thị S. Hợp đồng trên đã được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009. Đất cấp cho hộ nhưng khi lập hợp đồng chỉ một mình bà Huỳnh Thị T ký tặng cho. Từ khi tặng cho đất thì bà

Huỳnh Thị T vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất. Nay bà Huỳnh Thị T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 32, quyển số I/2009 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 19/4/2009 thì UBND xã E đồng ý. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện R phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý, xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng đúng quy định. Thẩm phán, thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự khác thực hiện đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; 121, 122, 127, Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 bộ luật dân sự 2015; Điều 46, Điều 129 Luật đất đai năm 2003; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, miễn nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD bị vô hiệu. Do đó chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản trên đất và hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Cụ Huỳnh Thị T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại thôn Q, xã E, huyện Nghĩa. Vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

- Theo cung cấp thông tin của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi chi nhánh huyện R thì nguồn gốc thửa đất số 1204 là do cụ Huỳnh Thị T và cụ Nguyễn Khánh T2 tạo lập đã được đăng ký và kê khai cấp giấy chứng nhận lần đầu vào năm 1992. Năm 2001 cụ T2 chết nên cụ T đại diện đứng tên và làm hồ sơ tách thửa và

được UBND huyện R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Huỳnh Thị T vào năm 2008.

Năm 2009 cụ Huỳnh Thị T đã tự mình lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho vợ chồng anh Nguyễn Khánh L, chị Võ Thị S với mục đích là vợ chồng Nguyễn Khánh L, Võ Thị S phải ở cùng và chăm sóc cho cụ cho đến khi qua đời, lo việc thờ cúng. Từ khi lập hợp đồng tặng cho thì cụ Huỳnh Thị T vẫn là người trực tiếp quản lý và sử dụng thửa đất nêu trên. Cụ T đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4, vợ chồng chị S có đóng góp thêm với số tiền khoảng 7.000.000 đồng. Vợ chồng anh L, chị S không chung sống cùng cụ T. Hiện nay anh L, chị S đã ly hôn. Chị S ở Quảng Nam còn anh L thì làm nghề tài xế đường dài thường xuyên đi ngoài đường không có ai chăm sóc cụ. Nay cụ T đã già, không có tài sản muốn có tài sản để tự lo cho bản thân. Vì vậy cụ yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD.

Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng HĐXX thấy: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD là có thật. Tuy nhiên, người được tặng cho trong hợp đồng là anh Nguyễn Khánh L, chị Võ Thị S đều thừa nhận không được biết về hợp đồng này, chữ ký, chữ viết Nguyễn Khánh L, Võ Thị S không phải là chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Khánh L, chị Võ Thị S. Theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật dân sự hợp đồng tặng cho bất động sản phải được công chứng chứng thực và phải được đăng ký. Về thủ tục công chứng, chứng thự chị S anh L không có mặt, không ký tên và không biết về hợp đồng. Về thủ tục đăng ký anh L, chị S cũng không được biết. Tại Điều 722 của Bộ luật dân sự quy định: " Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao quyền sử dụng đất cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, còn bên được tặng cho đồng ý nhận theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai". Tuy nhiên, hợp đồng tặng cho này là do cụ T tự ý làm với mục đích là để vợ chồng anh L, chị S chăm lo cho cụ đến cuối đời và lo cho việc thờ cúng. Anh L, chị S không tham gia trong giao dịch này, không ký tên, không biết về hợp đồng. Và anh L cũng không đồng ý nhận tài sản. Vì vậy hợp đồng này bị vô hiệu theo quy định tại điều 122, điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2005. Nay cụ Huỳnh Thị T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên. Bị đơn anh Nguyễn Khánh L cũng đồng ý hủy hợp đồng. Do đó yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD của cụ Huỳnh Thị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị Võ Thị S về yêu cầu phải giám định chữ ký Võ Thị S để biết là của ai đã giả chữ ký của chị Võ Thị S. HĐXX xét thấy chị S đã thừa nhận và khẳng định chữ ký Võ Thị S trong hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 08/04/2009

được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD đó không phải là chữ ký của chị Võ Thị S - người được tặng cho trong hợp đồng. Anh Nguyễn Khánh L, chị Võ Thị S, cụ Huỳnh Thị T cũng khẳng định và thừa nhận lúc làm hợp đồng tặng cho anh L, chị S đang ở Quảng Nam nên không biết và không ký vào hợp đồng. Do vậy HĐXX thấy yêu cầu giám định chữ ký Võ Thị S để biết là ai đã ký giả mạo chữ ký của chị Võ Thị S là không cần thiết trong việc giải quyết vụ án này.

Trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu tòa án xem xét hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và không yêu cầu giải quyết về tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện R đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35, điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: 121, 122, 127, Điều 722 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 46, Điều 129 Luật đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, miễn nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị T về việc "Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

Xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD giữa bên tặng cho là bà Huỳnh Thị T và bên nhận tặng cho là anh Nguyễn Khánh L, chị Võ Thị S bị vô hiệu toàn bộ.

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD.

Kiến nghị UBND huyện R thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00689 do UBND huyện R cấp ngày 08/4/2008 đã được chỉnh lý trang 4 ngày 29/4/2009 tên Nguyễn Khánh L, Võ Thị S trên cơ sở hợp đồng tặng cho ngày 08/04/2009 được UBND xã E chứng thực vào ngày 19/4/2009 theo chứng thực số 32, quyển số I/2009TP/CC-SCT/HĐGD

Cụ Huỳnh Thị T có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy địnhkhi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: anh Nguyễn Khánh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diếu